

VIETNAM HIPPO S19

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
1	11034722	NGUYEN TRAN THAO QUYNH	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	39	30	69
2	11034724	NGUYEN THI HONG THU	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	40	28,5	68,5
3	11034709	CAO THUY DUONG	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	37	28,5	65,5
4	11034727	TRAN NGOC MINH TRANG	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	37	28,5	65,5
5	11034704	TRAN NGOC BAO TRAN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	38	27	65
6	11034710	DANG KY DUYEN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	36	28,5	64,5
7	11034707	PHAN LE THUY DAN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	34	30	64
8	11034718	LE THAO NGUYEN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	34	30	64
9	11034719	LUONG THAO NGUYEN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	34	30	64
10	11034729	CAO PHUONG UYEN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	37	27	64
11	11034726	LE DANG HUYEN TRAN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	35	28,5	63,5
12	11034699	NGUYEN VO KIM KHUE	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	34	28,5	62,5
13	11034730	LE TRAN KHANH UYEN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	34	28,5	62,5
14	11034708	DOAN BAO DOAN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	38	24	62
15	11034698	NGO TUONG HUY	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	36	25,5	61,5
16	11034714	HUYNH NGOC LAM	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	36	25,5	61,5
17	11034728	TRAN DANG TRI	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	36	25,5	61,5
18	11034703	NGUYEN QUANG TIEN	Fermat education	TRAN HUNG DAO HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	37	24	61
19	11036186	NGO GIA KHANH	Fermat education	MERAKI EDUCATION	Ha Noi	37	24	61
20	11034700	NGUYEN TRAN THUY LAM	Fermat education	TRAN HUNG DAO HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	35	25,5	60,5
21	11034725	NGUYEN PHAM HUYEN TRAM	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	35	24	59
22	11034697	DAO TRAN NHAT HUY	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	36	22,5	58,5
23	11034705	TRAN NGUYEN TUONG VY	Fermat education	HUNG VUONG HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	35	22,5	57,5
24	11034711	LE TRAN NGOC HAN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	32	25,5	57,5
25	11034716	PHAN NGUYEN TUAN MINH	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	30	27	57
26	11034721	NGUYEN THANH PHAT	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	31	25,5	56,5
27	11034720	TRAN LE UYEN NHI	Fermat education	HUNG VUONG HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	35	21	56
28	11034706	TRAN TUONG VY	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	31	24	55
29	11034723	NGUYEN PHUC THIEN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	29	25,5	54,5
30	11034712	TRAN HOANG BAO HAN	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	27	27	54
31	11034715	MAI GIA LOC	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	36	16,5	52,5

No	Cand No	Name & Surname	Venue	School	City	Reading	Use	Total
32	11034713	PHAM PHUNG HAO	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	34	18	52
33	11034702	LE TRAN ANH THU	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	29	22,5	51,5
34	11034701	DINH NHAT DONG NGHI	Fermat education	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	26	18	44
35	11034696	NGUYEN NGOC YEN THAO	Fermat education	TRAN DAI NGHIA HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	33	10,5	43,5
36	11034695	LE BAO TRAN	Fermat education	VINSCHOOL GREEN BAY	Ha Noi	11	15	26
37	11034717	DINH THANH NGA	Fermat education	HOANG VAN THU HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Ha Noi	0	0	ABSENT